# MS. CHI ENGLISH

**Name:** _____ **Date:** 20.09.2021

**Class:** GE7 **Tel:** 038 255 2594

## GLOBAL ENGLISH 7: UNIT 3 – CLOTHING AND ACCESSORIES

## VOCABULARY 1

### A. VOCABULARY

| No | New words | Meaning | No | New words | Meaning |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | zip (n) **/zɪp/** | khóa kéo | 16 | wristband (n) **/ˈrɪst.bænd/** | dây đeo tay |
| 2 | sash (n) **/sæʃ/** | khăn thắt lưng | 17 (*) | fold (v) **/foʊld/** | gấp, gập lại |
| 3 | occasion (n) **/əˈkeɪ.ʒən/** | dịp, thời điểm một sự kiên xảy ra | 18 (*) | wardrobe (n) **/ˈwɔːr.droʊb/** | tủ quần áo |
| 4 | mainly (adv) **/ˈmeɪn.li/** | chính, chủ yếu | 19 | celebrity (n) **/səˈleb.rə.ṭi/** | người nổi tiếng |
| 5 | loose trousers (n) **/luːs/ /ˈtraʊ.zɚz/** | quần ống rộng | 20 | strip of cloth (n) **/strɪp/** | mảnh vải |
| 6 | at the waist **/weɪst/** | tại phần eo | 21 | accessory (n) **/əkˈses.ər.i/** | phụ kiện |
| 7 (*) | leg garment (n) **/ˈgɑːr.mənt/** | vớ dài | 22 (*) | order (n) **/ˈɔːr.dɚ/** | thứ tự |
| 8 | originally (adv) **/əˈrɪdʒ.ən.əl.i/** | ban đầu | 23 | neckerchief (n) **/ˈnek.ɚ.tʃiːf/** | khăn quàng cổ |
| 9 (*) | collar (n) **/ˈkɑː.lɚ/** | cổ áo | 24 (*) | tracksuit bottoms (n) **/ˈtræk.suːt ˌbɑː.ṭəmz/** | quần dài mềm, rộng dùng để chơi thể thao |
| 10 | handkerchief (n) **/ˈhæŋ.kɚ.tʃiːf/** | khăn tay | 25 | hair tie (n) **/taɪ/** | dây buộc tóc |
| 11 | warmth (n) **/wɔːrmθ/** | sự ấm áp | 26 | headband (n) **/ˈhed.bænd/** | băng đô |
| 12 | balaclava (n) **/ˌbæl.əˈklɑː.və/** | mũ trùm đầu và cổ, chỉ lộ phần mắt | 27 (*) | hairband (n) **/ˈher.bænd/** | bờm tóc |
| 13 | wrap around (phr.v) **/ræp/** | quấn quanh | 28 | wide / short sleeves (n) **/sliːvz/** | cánh tay áo rộng / ngắn |
| 14 (*) | sombrero (n) **/sɑːmˈbrer.oʊ/** | mũ rộng vành của Mexico | 29 (*) | window-shopping (n) **/ˈwɪn.doʊ ˌʃɑː.pɪŋ/** | xem, ngắm hàng hóa mà không có ý định mua bất cứ thứ gì |



LIVEWORKSHEETS

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| 15 | sari (n)<br>/ˈsɑːr.i/ | một mảnh vải dài dùng để quấn quanh người để tạo thành váy dài | 30 | bandana (n)<br>/bænˈdæn.ə/ | chiếc khăn hình vuông/tam giác, thường có hoa văn sặc sỡ, được buộc quanh đầu hoặc cổ. |

**Other Vocabularies**

| No | New words | Meaning | No | New words | Meaning |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | intend (v) | có ý định | 4 | entertainment business | kinh doanh giải trí |
| 2 | especially (adv) | đặc biệt | 5 | stuck (adj) | bị kẹt, bị mắc |
| 3 | sweat (n) | mồ hôi | | | |

* **Note :** n = Noun : Danh từ; v = verb : Động từ ; adv = Adverb : Trạng từ; adj = Adjective : Tính từ ; phr.v = Phrasal verb : Cụm động từ

* Những từ có ký hiệu (*) thì có 2 cách đọc

***Con học thuộc nghĩa của từ, chép mỗi từ 1 dòng vào vở ghi và chỉnh phát âm theo từ điển.**

**B. HOMEWORK**

**I. Fill in the blanks with the given words:**

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| ~~**zip**~~ | **fold** | **wristband** | **originally** | **balaclava** |
| **mainly** | **sleeves** | **wardrobe** | **neckerchief** | **handkerchief** |

0. I can't open my bag - the ____ **zip** ____ has been stuck.
1. Will you help me to _____ the clothes?
2. _____ is a closely fitting covering for the head and neck.
3. I _____ go to bed around midnight.
4. The _____ are too long for me.
5. She took out her _____ and blew her nose loudly.
6. _____ is a piece of material that goes around the wrist.
7. The _____ is 2m high, 1m wide, and 60cm deep.
8. _____ is a piece of square cloth folded and worn around the neck.
9. They now live in California, but _____ they came from Mexico.



LIVEWORKSHEETS

**II. Fill in the blanks with WHO, WHICH or WHERE:**

0. The men ___ **who** __ lives next-door are English.

1. The dictionary _____ you gave me is very good.

2. Do you know the girls _____ are standing outside the church?

3. The hotel _____ we stayed wasn't very clean.

4. I have lost the necklace _____ my mother gave me on my birthday.

5. Did you see the beautiful dress _____ she wore yesterday?

6. The police are looking for the thieves _____ got into my house last night.

**III. Match the column A with the column B:**

| A | B |
|---|---|
| **0.** Leg garment | **A.** A garment which covers the leg |
| **1.** Window – shopping | **B.** Soft, loose trousers that you wear for doing sport or exercise |
| **2.** Accessory | **C.** A long piece of cloth that is wrapped around the body to make a long dress |
| **3.** Headband | **D.** A person is very famous, especially *(đặc biệt)* in the entertainment business *(kinh doanh giải trí)* |
| **4.** Tracksuit bottoms | **E.** The activity of looking at the goods in the shop windows without intending *(có ý định)* to buy anything |
| **5.** Collar | **F.** The part around the neck of a piece of clothing |
| **6.** Sari | **G.** A narrow strip of material is worn around the head, usually to keep your hair or sweat *(mồ hôi)* out of your eyes, for example when doing sports |
| **7.** Celebrity | **H.** A thing which can be added to something else in order to make it more useful, or attractive. |

***Your answer:***

| | | | |
|---|---|---|---|
| 0 - _____ **A** _____ | 1 - _____ | 2 - _____ | 3 - _____ |
| 4 - _____ | 5 - _____ | 6 - _____ | 7 - _____ |



LIVEWORKSHEETS

Con làm bài Nghe part 4 tại link sau: https://youtu.be/oy6OcSS43Bw

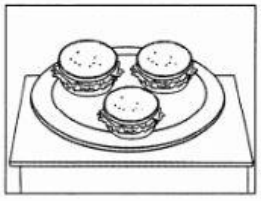
# Exam Practice Test 1 — Listening Part 1

**Questions 1–7**

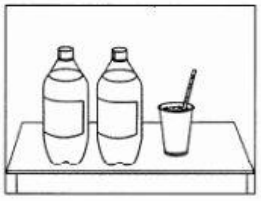
03 For each question, choose the correct answer.

TIP Read the questions and look at all of the pictures carefully before you listen.

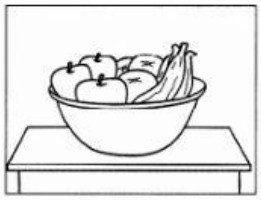
**1** What is the girl going to bring for the picnic?



A

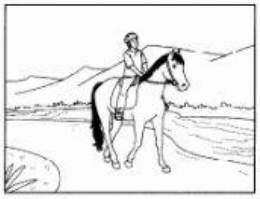


B



C

**2** Which activity did the boy enjoy most during his holiday?



A

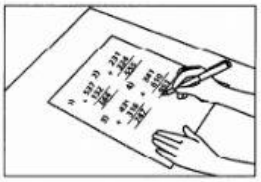


B

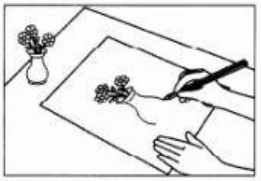


C

**3** What homework does the girl have to do tonight?



A



B



C

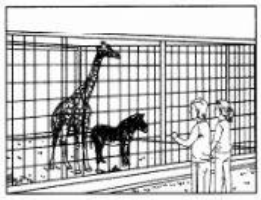


LIVEWORKSHEETS

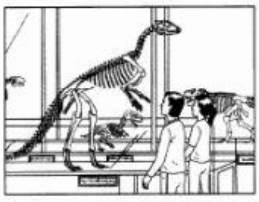
**4** Where did the students go on their school trip?



A



B

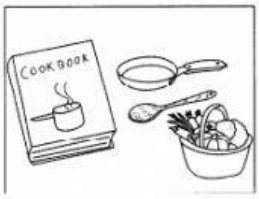


C

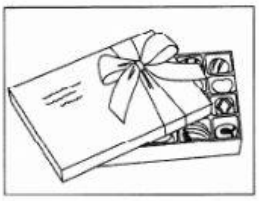
**5** Which present has the boy already bought?



A

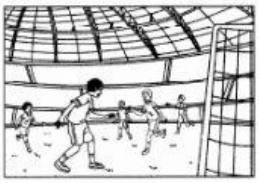



B

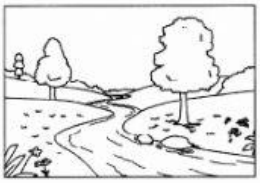


C

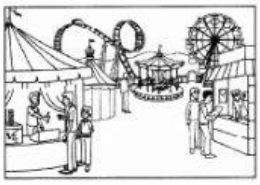
**6** Where did the boy go with his family at the weekend?



A

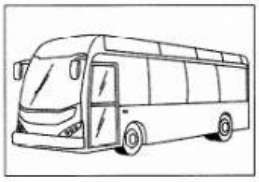


B

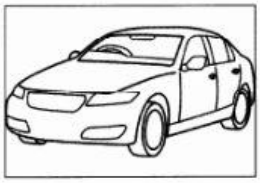


C

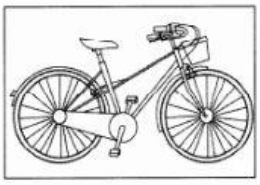
**7** How will the girl get to her friend's house?



A



B



C



LIVEWORKSHEETS